

Số: /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ
tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trong Trường và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Các đơn vị (để t/h);
- Lưu: HCTH, KHCN, D30.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh

QUY CHẾ

Quản lý tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc quản lý tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc gọi chung là Trường), bao gồm: xác định tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức quản lý và khai thác tài sản trí tuệ, phân chia lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ.

2. Sáng kiến, các quy trình nghiệp vụ nội bộ, văn bản hành chính và các sáng tạo khác không phải là đối tượng quyền sở hữu trí tuệ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại Trường ĐHNN, ĐHQGHN (sau đây gọi chung là cán bộ - viên chức (viết tắt là CB-VC)).

2. Các phòng/ban, khoa/bộ môn, trung tâm và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHNN, ĐHQGHN (sau đây gọi chung là đơn vị trực thuộc).

3. Nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên, học sinh thuộc các hệ đào tạo của Trường ĐHNN, ĐHQGHN (sau đây gọi chung là người học).

4. Thực tập sinh, cộng tác viên và các đối tượng khác đến làm việc, nghiên cứu khoa học, khảo sát và/hoặc tiến hành các hoạt động khác tại Trường ĐHNN, ĐHQGHN (sau đây gọi chung là cộng tác viên).

5. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có quan hệ cộng tác với Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, trên cơ sở quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản trí tuệ* là các sản phẩm được sáng tạo, phát sinh trong quá trình giảng dạy, học tập nghiên cứu của CB-VC và người học bao gồm: luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp; đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; báo cáo nghiên cứu khoa học; kỷ yếu hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Trường ĐHNN, ĐHQGHN tổ chức/đồng tổ chức; các bài nghiên cứu; sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng, chương trình máy tính và các sản phẩm trí tuệ khác được tạo ra từ nhiệm vụ được giao có sử dụng nguồn lực của Trường.

2. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

3. *Tác giả* là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm khoa học, văn

học và nghệ thuật. Trong trường hợp có hai người trở lên cùng tham gia sáng tạo tác phẩm thì tất cả những người đó đều được thừa nhận là đồng tác giả của tác phẩm. Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.

4. *Chủ sở hữu quyền tác giả* là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một phần hoặc toàn bộ quyền tài sản đối với tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật.

5. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

6. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

7. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do tổ chức, cá nhân sáng tạo hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

8. *Quyền nhân thân* bao gồm các quyền sau đây:

- a) Đặt tên cho tác phẩm.
- b) Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng.
- c) Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm.
- d) Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

9. *Quyền tài sản* bao gồm các quyền sau đây:

- a) Làm tác phẩm phái sinh.
- b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng.
- c) Sao chép tác phẩm.
- d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm.
- đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.
- e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

10. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

11. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

12. *Bản gốc tác phẩm* là bản được tồn tại dưới dạng vật chất mà trên đó việc sáng tạo tác phẩm được định hình lần đầu tiên bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

13. *Bản sao tác phẩm* là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm. Bản sao chụp tác phẩm cũng là bản sao tác phẩm.

14. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm được sáng tạo dựa trên tác phẩm đã có, bao gồm tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

15. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

16. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

17. *Phát sóng* là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính công chúng lựa chọn.

18. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng ứng dụng các quy luật tự nhiên.

19. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc, hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

20. *Chương trình máy tính* là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể.

21. *Sưu tập dữ liệu* là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở việc tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác.

22. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

23. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh. Khu vực kinh doanh là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

24. *Văn bằng bảo hộ* là văn bằng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

25. *Chuyển giao tài sản trí tuệ* là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ.

26. *Nhiệm vụ được giao* là công việc được thực hiện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

27. *Nguồn lực của Trường* bao gồm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - trang thiết bị, tư liệu, dữ liệu, dữ kiện và các nguồn lực khác của Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

28. *Trang web học liệu* là trang web đăng tải tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

Điều 4. Mục đích quản lý tài sản trí tuệ

Quản lý tài sản trí tuệ nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động sáng tạo, nhận diện, ghi nhận, xác lập quyền, bảo vệ và khai thác thương mại hiệu quả các tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của Trường ĐHNN, ĐHQGHN, của các cá nhân, đơn vị thuộc Trường, phục vụ các hoạt động trong Trường, tạo nguồn thu bổ sung để phát triển Trường, đồng thời góp phần phát triển ĐHQGHN và đất nước.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý tài sản trí tuệ tại Trường ĐHNN, ĐHQGHN

1. Hoạt động phát triển tài sản trí tuệ trở thành trụ cột trong mô hình đại học đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của Trường ĐHNN cũng như của ĐHQGHN. Trường phối hợp và tạo mọi điều kiện để cá nhân, tổ chức phát triển tài sản trí tuệ đưa vào khai thác, tạo ra giá trị tích cực cho cá nhân, cho Trường, ĐHQGHN, cộng đồng và xã hội.

2. Hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) phải hướng đến tạo ra tài sản trí tuệ hoàn chỉnh và đưa vào khai thác.

3. Việc quản lý tài sản trí tuệ phải gắn liền với xây dựng, phát triển Trường, các định chế và doanh nghiệp KH&CN, vườn ươm cũng như các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo khác.

4. Ưu tiên, khuyến khích cán bộ trẻ, người học tham gia hình thành, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ.

Điều 6. Quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động tại Trường ĐHNN, ĐHQGHN

Các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong hoạt động của Trường ĐHNN, ĐHQGHN bao gồm các quyền sau:

1. Quyền tác giả đối với giáo trình; tập tài liệu giảng dạy, bài giảng; sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, báo cáo khoa học; công trình nghiên cứu (bao gồm công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học), luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu...

2. Quyền liên quan đến quyền tác giả đối với bản ghi âm, ghi hình về các chương trình hoạt động của Trường do Trường thực hiện hoặc giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện.

3. Nhãn hiệu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

Điều 7. Các nội dung quản lý tài sản trí tuệ

Hoạt động quản lý tài sản trí tuệ trong Trường ĐHNN, ĐHQGHN bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Nhận diện, ghi nhận, xác định quyền sở hữu, quyền tác giả đối với các tài sản trí tuệ do CB-VC, đơn vị trực thuộc Trường ĐHNN, ĐHQGHN và các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có mối quan hệ cộng tác với Trường tạo thành.

2. Xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.

3. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ của CB-VC, người học và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

5. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm liên quan đến quyền SHTT.

Chương II

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 8. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN

Trường ĐHNN, ĐHQGHN là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các trường hợp sau đây:

1. Tài sản trí tuệ được tạo ra bởi CB-VC, các đơn vị trực thuộc Trường và các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có mối quan hệ cộng tác với Trường theo nhiệm vụ được giao, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường ĐHNN, ĐHQGHN đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.

3. Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường ĐHNN, ĐHQGHN với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường mà trong hợp đồng có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

4. Tài sản trí tuệ được tạo ra từ các hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng kinh phí của Trường, hoặc kinh phí do các tổ chức, cá nhân tài trợ cho Trường bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học của CB-VC và của người học, trừ trường hợp có quy định khác.

5. Hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của cán bộ, người học của Trường, được Trường hỗ trợ.

6. Tài sản trí tuệ được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường.

Điều 9. Đồng sở hữu tài sản trí tuệ

1. Trường ĐHNN, ĐHQGHN là đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản trí tuệ được tạo ra từ các hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng kinh phí do cơ quan chủ quản là ĐHQGHN/Bộ GD&ĐT cấp hoặc do cơ quan chủ quản chỉ định, phân cấp, chuyển giao cho Trường, đứng tên “Cơ quan chủ trì” trong đề tài/dự án.

b) Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu với các đối tác, trong đó sử dụng kinh phí của các bên, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

c) Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu do CB-VC hoặc đơn vị trực thuộc Trường thực hiện, sử dụng kinh phí của Trường và của cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

2. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong các trường hợp trên sẽ do các bên tự thỏa thuận, dựa theo tỷ lệ đóng góp của các bên, trên cơ sở nguyên tắc hợp tác bền vững, các bên cùng có lợi.

3. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của CB-VC và các chủ thể khác

1. Các tài sản trí tuệ do CB-VC Trường ĐHNN, ĐHQGHN và các chủ thể khác tạo ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này thuộc sở hữu của người sáng tạo.

2. Quyền sở hữu đối với công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên tạp chí/chuyên san/trang web học liệu của Trường, trên kỷ yếu hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học do Trường tổ chức/đồng tổ chức thuộc về tác giả của công trình. Tuy nhiên, Trường được khai thác các công trình nêu trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

3. Quyền sở hữu đối với các bài giảng cá nhân, các sách chuyên khảo, tham khảo do CB-

VC biên soạn trong quá trình công tác tại Trường thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tập thể tác giả, trừ trường hợp sáng tạo theo nhiệm vụ được giao trong quyết định giao việc trong từng tình huống cụ thể.

Điều 11. Quyền sở hữu trí tuệ của người học

1. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học thuộc mọi chương trình đào tạo của Trường bao gồm: công trình nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, bài báo khoa học,... thuộc quyền sở hữu của người học. Trường được quyền khai thác các công trình nêu trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Trong trường hợp các tài sản trí tuệ được sáng tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra bằng việc sử dụng kinh phí của Trường thì quyền sở hữu thuộc về Trường.

Điều 12. Quyền của tác giả/đồng tác giả

1. Các tác giả hoặc đồng tác giả các tác phẩm được hưởng các quyền nhân thân theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và luật khác có liên quan, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác.

2. Trong trường hợp tác giả, đồng tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm, các tác giả, đồng tác giả được hưởng nhuận bút, thù lao theo Quy chế này hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp không được ghi nhận trong Quy chế này hoặc trong hợp đồng giữa các bên thì tác giả sẽ được nhận nhuận bút, thù lao theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ THUỘC TRƯỜNG

Điều 13. Đơn vị quản lý và phối hợp quản lý đối với tài sản trí tuệ

1. Phòng Khoa học - Công nghệ (P.KHCN) là đơn vị đầu mối phụ trách tổ chức, thực hiện quản lý, xác lập quyền sở hữu, khai thác và thương mại hóa các tài sản trí tuệ của Trường phối hợp với bộ phận Học liệu thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Học liệu. P.KHCN chịu trách nhiệm báo cáo công việc trực tiếp với Ban Giám hiệu. Các chuyên viên hoạt động chuyên trách và kiêm nhiệm tùy theo khối lượng công việc thực tế nảy sinh trong từng giai đoạn.

Nhiệm vụ và quyền hạn của P.KHCN liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ:

a) Xây dựng các phương pháp, quy trình thủ tục, biểu mẫu tác nghiệp trong việc nhận diện, khai báo, chuyển nhượng, bảo hộ, khai thác các tài sản trí tuệ.

b) Nhận diện và ghi nhận các loại tài sản trí tuệ khác nhau phát sinh trong mọi hoạt động của Trường. Thông báo cho các tác giả, đồng tác giả và đơn vị trực thuộc Trường về việc công bố hoặc trì hoãn công bố các tài sản trí tuệ mới phát sinh.

c) Xúc tiến kịp thời các thủ tục xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường.

d) Lập hồ sơ thống kê, theo dõi các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường; chuyển giao cho bộ phận Học liệu thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Học liệu lưu trữ tập trung và phối hợp quản lý, khai thác.

đ) Thẩm định và tái thẩm định giá trị của các tài sản trí tuệ của Trường:

- Tổ chức thẩm định giá trị của các tài sản trí tuệ mới và tái thẩm định giá trị của các tài sản trí tuệ trong các danh mục quản lý hiện hữu khi có yêu cầu. Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị Hiệu trưởng thành lập Tổ hoặc Hội đồng thẩm định/tái thẩm định.

- Sau mỗi đợt tái thẩm định, lập danh sách các tài sản trí tuệ không còn giá trị khai thác thương mại, không phù hợp với điều kiện khai thác của Trường (nếu có), trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định và chỉ được chính thức đưa ra khỏi danh mục quản lý hiện hữu sau khi có quyết định bằng văn bản của Hiệu trưởng.

- CB-VC, đơn vị thuộc Trường đều có quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng (mua lại) các tài sản trí tuệ đã được đưa ra khỏi danh mục quản lý hiện hữu theo các điều kiện thương mại hợp lý. Việc chuyển nhượng phải được thực hiện thông qua hợp đồng bằng văn bản, trong đó, có quy định rõ chủ sở hữu mới sẽ cấp Giấy phép sử dụng không độc quyền cho Trường để sử dụng các tài sản trí tuệ đã được chuyển nhượng đó trong các hoạt động phi thương mại của Trường.

- Phối hợp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường triển khai Quy chế quản lý tài sản trí tuệ; phổ biến các văn bản quản lý về sở hữu trí tuệ của Nhà nước, của ĐHQGHN và của Trường.

e) Hướng dẫn CB-VC, đơn vị thuộc Trường thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ.

g) Xúc tiến thương mại hóa tài sản trí tuệ:

- P.KHCN có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường.

- P.KHCN tham mưu cho Hiệu trưởng ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li-xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng tài sản trí tuệ, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập các tài sản trí tuệ mới.

- P.KHCN tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ và được phép giao kết các hợp đồng dịch vụ phục vụ các CB-VC và đơn vị thuộc Trường trong việc thương mại hóa các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của họ.

- Định kỳ báo cáo Ban Giám hiệu về kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ, hoạt động triển khai ứng dụng, khai thác tài sản trí tuệ.

h) Hàng năm lập dự toán kinh phí liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ (phí và lệ phí đăng ký, duy trì hiệu lực các văn bằng bảo hộ; kinh phí cho hoạt động quản lý, truyền thông...).

2. Phòng Thanh tra - Pháp chế (TT-PC) là đơn vị phối hợp trong công tác quản lý sở hữu trí tuệ và quyền tác giả.

Phòng TT-PC có nhiệm vụ:

a) Tuyên truyền văn bản, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ trong Trường.

b) Thực hiện hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ của Trường, CB-VC, các đơn vị trực thuộc.

c) Thanh tra việc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ trong Trường; trợ giúp pháp lý cho P.KHCN trong quản lý tài sản trí tuệ Trường.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Học liệu (CNTT-TTHL) là đơn vị phối hợp trong công tác quản lý sở hữu trí tuệ và quyền tác giả.

Trung tâm CNTT-TTHL có nhiệm vụ:

- a) Lưu trữ tập trung các tài sản thuộc quyền sở hữu trí tuệ của Trường và phối hợp quản lý, khai thác.
- b) Truyền thông về các hoạt động, sản phẩm thuộc quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả liên quan đến Nhà trường.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng các đơn vị, Giám đốc các trung tâm thuộc Trường

Trưởng các đơn vị, Giám đốc các trung tâm thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp cùng P.KHCN trong việc:

1. Tổ chức quán triệt Quy chế quản lý tài sản trí tuệ cùng các văn bản, quy định có liên quan trong đơn vị.
2. Tổ chức ghi nhận và khai báo các loại tài sản trí tuệ phát sinh trong phạm vi quản lý của đơn vị.
3. Yêu cầu các cá nhân là đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 và thuộc phạm vi quản lý của đơn vị thực hiện các thủ tục, biểu mẫu sở hữu trí tuệ và các công việc liên quan theo hướng dẫn của P.KHCN.
4. Giải quyết vi phạm các quy định trong Quy chế này hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Bên thứ ba trong hoạt động của các cá nhân thuộc phạm vi đơn vị quản lý.

Điều 15. Các hình thức khai thác quyền sở hữu trí tuệ

Việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ được tiến hành bằng các hình thức sau:

1. Công bố các kết quả nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức, bao gồm cả hình thức điện tử.
2. Phân phối các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường và các tác phẩm mà Trường được quyền phân phối dưới mọi hình thức.
3. Chuyển nhượng quyền sở hữu các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ.
4. Chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ cho các đối tượng có nhu cầu.
5. Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhân hiệu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN

1. Nhân hiệu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN bao gồm dòng chữ “Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội” và biểu tượng (Logo), khẩu hiệu (Slogan) của Trường thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN.
2. Các đơn vị, tổ chức thuộc Trường ĐHNN, ĐHQGHN được quyền sử dụng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.
3. Cán bộ - viên chức của Trường ĐHNN, ĐHQGHN được quyền sử dụng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường khi in danh thiếp.
4. Các đơn vị liên kết được quyền sử dụng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường trong các biên hiệu, băng rôn nhằm giới thiệu, quảng bá cho các hoạt động đào tạo có liên kết với Trường.
5. Ngoài các trường hợp nêu trên, cá nhân, tổ chức khác không được sử dụng nhân hiệu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN với bất cứ hình thức, lý do nào khi chưa được Hiệu trưởng Trường ĐHNN, ĐHQGHN chấp nhận bằng văn bản.

Điều 17. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của Trung tâm Công nghệ

thông tin, Truyền thông và Học liệu

1. Mọi hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Học liệu phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHNN, ĐHQGHN, Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Học liệu được phép khai thác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và theo pháp luật hiện hành.

3. Đối với các luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, tiểu luận thuộc quyền sở hữu của người học thuộc các hệ đào tạo của Trường, các ấn phẩm đã đăng trên tạp chí/chuyên san/trang web học liệu của Trường, các bài tham luận hội thảo, kỷ yếu hội thảo do Trường tổ chức/đồng tổ chức, Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Học liệu được toàn quyền lưu trữ kể cả dưới hình thức số hóa và khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định của Trung tâm.

4. Trong các quá trình khai thác và sử dụng nguồn tài liệu của Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Học liệu, các cá nhân, tổ chức tự chịu trách nhiệm cho các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và Quy chế này.

Điều 18. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài/chuyên san/trang web học liệu của Trường

1. Hoạt động của tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài/chuyên san/trang web học liệu phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài/chuyên san/trang web học liệu có quyền công bố, sao chép, lưu trữ, phân phối các tác phẩm đã được đăng tải trong tạp chí/chuyên san/trang web; truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.

3. Các tác giả khi gửi bài viết đến tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài/chuyên san/trang web học liệu phải cam kết tác phẩm do chính tác giả sáng tạo, không sao chép của người khác. Trong trường hợp tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài/chuyên san/trang web có đăng tải tài liệu dịch hoặc tài liệu được đăng lại thì phải được phép và ghi rõ nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

4. Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài/chuyên san/trang web học liệu không chịu trách nhiệm trong trường hợp các tác phẩm được đăng trên tạp chí/chuyên san/trang web học liệu bị khiếu nại, tranh chấp liên quan đến vấn đề quyền tác giả.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của CB-VC trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường

1. Có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và khi thực hiện các nhiệm vụ khác được Trường giao.

2. Có các quyền nhân thân theo pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Có quyền được hưởng tiền thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.

4. Các tác giả/đồng tác giả, Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường có quyền đề xuất Trường xuất bản các công trình nghiên cứu khoa học thuộc quyền sở hữu của Trường, nhưng phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường ĐHNN, ĐHQGHN và trong tác phẩm phải ghi rõ nguyên văn “bản quyền thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội”.

5. Đối với công trình nghiên cứu khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường, các tác giả/đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên sách, tạp chí. Việc công bố chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Trường.

6. Có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này, các quy định khác có liên quan của Trường, của ĐHQGHN và các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của người học trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường

1. Có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường trong học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng quy định của Trường và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Không được photocopy tài liệu và sử dụng tài liệu photocopy vi phạm quyền tác giả trong quá trình học tập tại Trường theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Phải tuân thủ các quy định của Trường về trích dẫn và chống đạo văn trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

4. Trong trường hợp vi phạm Quy chế này và các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, người học sẽ bị xử lý theo quy định của Trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 21. Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của Trường

1. Trường ĐHNH, ĐHQGHN có thể chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của Trường cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

2. Trường ĐHNH, ĐHQGHN có thể nhận chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu của CB-VC, người học, cộng tác viên theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 22. Phân chia lợi ích từ việc sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ

1. Việc phân chia lợi ích từ tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật sở hữu trí tuệ, cụ thể như sau:

a) Lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước được chia cho tác giả tối thiểu 30%.

b) Phần chia cho người môi giới (nếu có) theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không quá 10%.

c) Sau khi phân chia cho tác giả và người môi giới (nếu có), phần lợi nhuận còn lại được quy định như sau: trường hợp được giao quyền sở hữu thì 50% dành cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, 50% dành cho quỹ phúc lợi, khen thưởng của tổ chức; trường hợp được giao quyền sử dụng thì phải trả lại cho đại diện chủ sở hữu Nhà nước theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không quá 10%, phần còn lại được dành 50% cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, 50% cho quỹ phúc lợi, khen thưởng của tổ chức.

2. Đối với các tài sản trí tuệ không phải là kết quả của đề tài, dự án sử dụng kinh phí Nhà nước mà Trường là cơ quan chủ trì

a) Thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo thỏa thuận giữa các bên.

b) Nếu không có thỏa thuận trước hoặc không thể thỏa thuận được, thu nhập và lợi nhuận thu được từ các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu do Trường khai thác, sau khi trừ đi các chi phí (nếu có) gồm: thuế, phí, lệ phí, chi phí hợp lý khác, sẽ phân chia theo tỷ lệ sau:

- Tác giả, đồng tác giả được hưởng 30%;

- Tổ chức, cá nhân môi giới (nếu có) được hưởng 10%;
- Trường ĐHNN, ĐHQGHN được hưởng 60%.

c) Nếu không có thỏa thuận trước hoặc không thể thỏa thuận được, thu nhập và lợi nhuận thu được từ các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu do tác giả hoặc đồng tác giả khai thác, sau khi trừ đi các chi phí (nếu có) gồm: thuế, phí, lệ phí, chi phí hợp lý khác, sẽ phân chia theo tỷ lệ sau:

- Tác giả, đồng tác giả được hưởng 60%;
- Tổ chức, cá nhân môi giới (nếu có) được hưởng 10%;
- Trường ĐHNN, ĐHQGHN được hưởng 30%.

3. Hàng năm, Trường trích một phần lợi nhuận sau thuế từ việc thương mại hóa các tài sản trí tuệ để đảm bảo kinh phí cho hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của năm tiếp theo, bao gồm:

- a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản lý tài sản trí tuệ và cơ sở dữ liệu thông tin tài sản trí tuệ;
- c) Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý tài sản trí tuệ;
- d) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ trong Trường;
- đ) Triển khai các hoạt động khác theo nhiệm vụ và quyền hạn;
- e) Rà soát và cải tiến hoạt động quản lý tài sản trí tuệ.

4. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ tài sản trí tuệ sẽ do Ban Giám hiệu quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

Chương IV

PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 23. Quy trình phát triển tài sản trí tuệ

1. Hàng năm, các đơn vị rà soát và lập danh sách các sản phẩm KH&CN chưa hoàn thiện và đã hoàn thiện, đề xuất nhu cầu phát triển và kinh phí cần tài trợ qua P.KHCN trình Ban Giám hiệu xem xét, thẩm định.

2. P.KHCN trình Ban Giám hiệu ban hành quyết định thành lập Hội đồng khoa học thẩm định đề xuất của đơn vị; thành viên Hội đồng gồm chuyên gia trong và ngoài Trường có chuyên môn phù hợp; cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu triển khai; đại diện tổ chức, đơn vị hợp tác phát triển sản phẩm (nếu có). Hội đồng căn cứ vào tính khả thi và khả năng ứng dụng thực tiễn của sản phẩm, sự hợp lý giữa nội dung và kinh phí triển khai để đề xuất Ban Giám hiệu quyết định đầu tư.

3. Căn cứ ý kiến của Hội đồng, Ban Giám hiệu quyết định phê duyệt triển khai nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ, nguồn kinh phí do Trường tài trợ hoặc kêu gọi đầu tư từ xã hội.

4. P.KHCN hướng dẫn chi tiết quy trình thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ tại các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 24. Chính sách hỗ trợ hình thành tài sản trí tuệ tại Trường ĐHNN, ĐHQGHN

1. Chính sách ưu tiên đối với đề tài, dự án KH&CN

Trường ĐHNN, ĐHQGHN ưu tiên phê duyệt và cấp kinh phí triển khai nhiệm vụ

KH&CN có sản phẩm đầu ra là tài sản trí tuệ có khả năng khai thác thương mại hoặc chuyển giao cho cơ quan nhà nước sử dụng.

Đối với đề tài có sản phẩm KH&CN có tiềm năng phát triển và thương mại hóa, có xác nhận của Hội đồng nghiệm thu đề tài, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài có văn bản đề nghị Trường hỗ trợ dưới các hình thức: đề xuất đề tài KH&CN hoàn thiện sản phẩm, triển khai dự án sản xuất thử nghiệm, thành lập doanh nghiệp KH&CN, triển khai nhiệm vụ hợp tác song phương, đa phương để khai thác sản phẩm.

2. Chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ SHTT

a) Trường ĐHNN, ĐHQGHN khuyến khích và hỗ trợ cán bộ, nhà khoa học, người học ở Trường đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với sản phẩm KH&CN. Hình thức hỗ trợ bao gồm:

- Hỗ trợ nhà khoa học viết hồ sơ đăng ký SHTT;
- Hỗ trợ kinh phí nộp hồ sơ đăng ký SHTT;
- Hỗ trợ 100% kinh phí duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ quyền SHTT trong 03 năm đầu tiên, 50% trong 03 năm tiếp theo, 25% trong các năm còn lại (theo đề nghị của tác giả).

Trường ĐHNN giao P.KHCN phối hợp cùng Trung tâm Chuyển giao tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp của ĐHQGHN và tác giả, đồng tác giả triển khai các nội dung trên. Kinh phí triển khai lấy từ nguồn thu hợp pháp của Trường và/hoặc của ĐHQGHN.

b) Trường bố trí kinh phí hỗ trợ nhà khoa học nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền SHTT và kinh phí duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ quyền SHTT đối với tài sản trí tuệ hình thành từ nguồn kinh phí tự chủ của Trường hoặc được ĐHQGHN giao quyền sở hữu, quyền sử dụng; kinh phí lấy từ nguồn thu hợp pháp của Trường, ưu tiên nguồn kinh phí quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học và Quyết định 2555/QĐ-ĐHNN ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

Điều 25. Chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

1. Trường ĐHNN, ĐHQGHN ưu tiên phát triển các tài sản trí tuệ có khả năng chuyển giao và thương mại hóa cao.

2. Trường ĐHNN, ĐHQGHN ưu tiên phê duyệt và cấp kinh phí cho các dự án sản xuất thử nghiệm, giải mã công nghệ và ương tạo công nghệ.

3. Ưu tiên sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu cho các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ hoàn chỉnh.

Điều 26. Kết nối nhà khoa học, doanh nghiệp, cộng đồng

1. P.KHCN làm đầu mối phối hợp với các đơn vị, trung tâm thuộc Trường và Trung tâm Chuyển giao tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp của Đại học Quốc gia Hà Nội xây dựng kế hoạch truyền thông, quảng bá tài sản trí tuệ của Trường.

2. P.KHCN làm đầu mối phối hợp với các đơn vị, trung tâm thuộc Trường kết nối nhà khoa học, với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu hợp tác, phát triển sản phẩm, nhận chuyển giao công nghệ, hợp tác sản xuất kinh doanh.

3. Các đơn vị, nhà khoa học có thành tích trong hoạt động SHTT được mời tham dự các sự kiện KH&CN, xúc tiến thương mại lớn có sự tham dự của lãnh đạo Trường và ĐHQGHN, được trình bày ý tưởng và đề xuất nhiệm vụ, dự án trực tiếp với Ban Giám hiệu Trường và Ban Giám đốc ĐHQGHN.

4. Trường bố trí kinh phí phục vụ hoạt động truyền thông, quảng bá sản phẩm KH&CN chuyển giao, thương mại hóa, đưa vào kế hoạch KH&CN hàng năm trình ĐHQGHN phê duyệt.

5. Các đơn vị, trung tâm thuộc Trường được khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm thúc đẩy các hoạt động SHTT và chuyển giao công nghệ.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 27. Xử lý vi phạm hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Các cá nhân, tập thể có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ dưới bất kì hình thức nào sẽ bị xử lý theo quy định của Trường và pháp luật hiện hành.

Điều 28. Giải quyết tranh chấp trong quản lý tài sản trí tuệ

1. Các tranh chấp về quyền SHTT được khuyến khích giải quyết trên tinh thần thương lượng, hòa giải.

2. P.KHCN chịu trách nhiệm phối hợp giải quyết tranh chấp về quyền SHTT.

3. Đối với tranh chấp quyền SHTT liên quan đến nhiều đơn vị thành viên, trực thuộc hoặc liên quan đến tài sản trí tuệ do Trường sở hữu hoặc đồng sở hữu, P.KHCN đề xuất phương án xử lý trình Ban Giám hiệu quyết định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Mọi CB-VC, cộng tác viên, người học và các đối tác của Trường phải được phổ biến các quy định liên quan trong Quy chế này trước khi ký hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với Trường.

2. P.KHCN có trách nhiệm triển khai phương án tập hợp và ghi nhận lại tất cả các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường đã được hình thành từ trước ngày Quy chế này có hiệu lực.

3. Quy chế này gồm 6 chương, 30 điều, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề không phù hợp, Phòng Thanh tra - Pháp chế phối hợp với Phòng Khoa học - Công nghệ đề nghị Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh